

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**  
-----o0o-----



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM 2009**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0203002740 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hải Phòng  
cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**  
**TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Phần I: Lịch sử hoạt động của Công ty</b>	<b>3</b>
1. Những sự kiện quan trọng	3
2. Quá trình phát triển	4
3. Định hướng phát triển	6
<b>Phần II: Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty</b>	<b>9</b>
1. Tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2009	9
2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu năm 2009	9
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm	10
4. Triển vọng và kế hoạch trong thời gian tới	10
<b>Phần III: Báo cáo của Ban Tổng giám đốc Công ty</b>	<b>13</b>
1. Báo cáo tình hình tài chính	13
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	14
3. Những tiến bộ Công ty đạt được	17
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	18
<b>Phần IV: Báo cáo tài chính</b>	<b>20</b>
<b>Phần V: Bản giải trình Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán</b>	<b>41</b>
<b>Phần VI: Các Công ty có liên quan</b>	<b>43</b>
<b>Phần VII: Tổ chức và nhân sự</b>	<b>43</b>
1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy của Công ty	43
2. Chính sách đối với người lao động	45
<b>Phần VIII: Thông tin cổ đông và quản trị Công ty</b>	<b>47</b>
1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	47
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông	60



## PHẦN I: LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

#### ➤ Việc thành lập

Nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập, thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 6 Đảng Cộng sản Việt Nam, các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực bắt tay vào công cuộc đổi mới toàn diện về quản lý kinh tế, xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp và chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa (XHCN). Không nằm ngoài quy luật, Bộ Giao thông vận tải cũng thực hiện đổi mới với việc cắt giảm biên chế khối hành chính sự nghiệp, chuyển chức năng quản lý kinh tế kỹ thuật trực tiếp xuống các doanh nghiệp và thành lập các doanh nghiệp mới.

Cũng trong thời kỳ này, ngày 10/3/1984, Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) được thành lập theo Quyết định số 694/QĐ-TCCB của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải .

Ngày 23/3/1993: Bộ Giao thông Vận tải ra quyết định thành lập lại Công ty Vận tải biển III theo Quyết định số 463/QĐ-TCCB. Công ty Vận tải biển III là Doanh nghiệp Nhà nước hạng I, hạch toán kinh tế độc lập, trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 105658 do Sở Kế hoạch đầu tư t/p Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 4 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 3 năm 2002.

Ngày 24 tháng 10 năm 2006, Bộ Giao thông vận tải ký quyết định số 2264/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty vận tải biển III , đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP.

**Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP** đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty ngày 21 tháng 12 năm 2006, được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0203002740** ngày 27/12/2006, với tổng số vốn điều lệ là **200** tỷ đồng, trong đó vốn Nhà Nước nắm giữ 51%.

Trong lịch sử 26 năm hình thành và phát triển, Công ty đã luôn nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tích cao trong sản xuất kinh doanh và góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

#### ➤ Niêm yết cổ phiếu



Công ty được niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định về việc niêm yết cổ phiếu số 93/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/8/2008.

- Mã chứng khoán: VNA
- Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đ/cổ phiếu
- Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên: 09/09/2008
- Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện tại: 20.000.000 cổ phiếu

## **2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN**

### **➤ Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty**

- Kinh doanh vận tải biển;
- Khai thác cầu cảng, kho bãi và dịch vụ giao nhận kho vận;
- Dịch vụ đại lý tàu;
- Dịch vụ đại lý vận tải nội địa, đại lý;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hoá;
- Dịch vụ khai thuế hải quan;
- Dịch vụ hợp tác lao động;
- Cho thuê văn phòng, kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.

### **➤ Tình hình hoạt động**

#### **Vận tải đường biển:**

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hoá, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn coi trọng việc đầu tư phát triển đội tàu, trang thiết bị sản xuất, đào tạo bổ sung nguồn nhân lực. Vì thế trong những năm vừa qua, Công ty đã không những giữ vững mà còn phát triển thị phần vận tải trong nước và khu vực, mở thêm những lĩnh vực kinh doanh mới.

Xét về phương diện quy mô vốn, số tấn trọng tải Đội tàu và thị phần vận tải thì VINASHIP được coi là một trong các doanh nghiệp vận tải biển lớn thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Xét về hiệu quả sản xuất kinh doanh, với mô hình tổ chức hiện có, được thừa hưởng đội



ngũ thuyền viên có bề dày kinh nghiệm, đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, Vinaship cũng luôn nằm trong top những doanh nghiệp thành viên có hiệu quả sản xuất kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận cao trong Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty cũng đã xác lập được thương hiệu "VINASHIP" trong thị trường vận tải trong nước cũng như thị trường vận tải quốc tế, đặc biệt là hoạt động vận tải hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước Khu vực Đông Nam Á và Bắc Á. Các đối tác và bạn hàng chiến lược của Công ty là các tập đoàn, nhà kinh doanh, nhà nhập khẩu lớn của khu vực như: nông sản (Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – VINAFOOD II, Thoresen Indochina SA, Bulog, NFA, Toepfer, Cargill, Samsung Logistic, Chayaporn Rice Co., Thailand...), than đá (Thailand Anthracite Coal Co., Ltd, Teparak SA...), Clinker, thạch cao (SCT, SCCC, Larfarge, DIC, ITC, ...), sắt thép (Vinakyoe, Lee Metal Group Singapore, Green Pacific Jakarta...); phân bón (Philippine Phosphata Fertilizer Corporation, Mekatrade Asia Pte Ltd, MITCO Petronas Malaysia...).

**Hoạt động dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức:** Song hành với kinh doanh vận tải biển, Vinaship đã tích cực phát triển ngành dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức để khai thác thế mạnh về kiến thức, kinh nghiệm và quan hệ trên thị trường vận tải. Vinaship đã đưa ra thị trường sản phẩm dịch vụ logistics có uy tín và chất lượng cao được các khách hàng trong nước cũng như các doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam tin cậy.

Các dịch vụ vận chuyển nguyên liệu cung cấp tận nhà máy cho nhà sản xuất, vận chuyển sản phẩm từ nơi sản xuất tới tận kho của các nhà phân phối đang là những sản phẩm dịch vụ vận tải có chất lượng cao được thị trường tin dùng và thị phần ngày càng mở rộng. Hiện tại VINASHIP đã đạt sản lượng dịch vụ logistics và vận tải đa phương thức mỗi tháng hàng ngàn Container nội địa và xuất nhập khẩu. Trong tương lai, tỷ trọng của sản phẩm này trong hoạt động sản xuất kinh doanh của VINASHIP ngày càng tăng, góp phần đáng kể trong doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

**Hoạt động kho bãi, bốc xếp hàng hoá và dịch vụ kho vận:** VINASHIP đang quản lý khai thác 01 bãi Container, 01 bãi CFS và 01 bãi Container hậu phương có vị trí địa lý rất thuận lợi. Với mục tiêu vừa khai thác kho bãi vừa làm dịch vụ kho vận giao nhận kết hợp với lực lượng nhân lực bốc xếp có kinh nghiệm, VINASHIP sẽ đưa ra một dịch vụ forwarding hoàn hảo nhằm phục vụ khách hàng chu đáo nhất. Hiện tại công việc này đã mang lại việc làm cho hơn một trăm lao động và một nguồn doanh thu đáng kể cho doanh nghiệp. Trong những năm tới, khu vực này sẽ là một bộ phận kinh doanh quan trọng góp phần đa dạng hoá hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.



Công tác quản lý tài chính của Công ty luôn giữ vững truyền thống là đơn vị quản lý tài chính nề nếp, vốn và tài sản luôn được bảo toàn, phát triển. Hệ thống tài chính kế toán trong Công ty luôn làm tốt công tác phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản lý và quyết định trong sản xuất kinh doanh cho lãnh đạo Công ty và đây cũng chính là điểm khác biệt giúp cho Công ty luôn được đánh giá là một trong ít Công ty đứng đầu so với các công ty cùng ngành nghề.

So với các đối thủ trên thị trường, VINASHIP là một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong ngành vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

### **3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

#### **➤ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Việt Nam là một quốc gia biển, điều kiện địa lý và tự nhiên rất thuận lợi cho việc phát triển vận tải biển và ngoại thương bằng đường biển. Vài năm trở lại đây, cùng với sự gia tăng lượng hàng hoá lưu thông nội địa, các mặt hàng xuất nhập khẩu như gạo, cà phê, tiêu, hạt điều, dầu thô, khí đốt cũng tăng đáng kể. Đặc biệt, sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO, kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam và các nước trên thế giới có sự tăng trưởng đáng kể. Lượng hàng hoá lưu thông vô cùng dồi dào đang và sẽ là đòn bẩy giúp ngành vận tải biển Việt Nam phát triển. Đáng nói hơn, cơ hội dành cho đội tàu biển Việt Nam không chỉ là vận chuyển nguồn hàng xuất nhập khẩu trong nước mà còn tham gia chia sẻ thị trường với các nước trong khu vực và trên thế giới. Thị trường hàng hoá trong nước có nhiều khởi sắc, thị trường nước ngoài có những tín hiệu đáng mừng. Trong khu vực, Indonesia và Philippines vẫn là 2 nước nhập khẩu gạo lớn của nước ta. Lượng hàng xuất nhập khẩu của Thái Lan vô cùng dồi dào. Tuy nhiên, đội tàu biển của những nước này không đáp ứng kịp, vì vậy, đội tàu biển Việt Nam ngoài việc vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu trong nước vẫn còn nhiều cơ hội để chia sẻ thị trường với các nước trong khu vực. Các nước láng giềng như Trung Quốc, Campuchia cũng là thị trường đầy tiềm năng cho ngành vận tải biển Việt Nam. Là đơn vị có truyền thống, nhiều kinh nghiệm kinh doanh trên tuyến Châu Á, Công ty đang có những cơ hội lớn để đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, thương hiệu, thâm nhập và mở rộng thị phần trong và ngoài nước.

Hiện nay, VINASHIP đang thực hiện chủ trương đầu tư trẻ hoá và cơ cấu lại đội tàu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng vận tải, tăng năng lực cạnh tranh của Đội tàu bằng việc đặt đóng mới ở các nhà máy đóng tàu trong và ngoài nước, đồng thời mở rộng giao dịch để mua tàu đã qua



sử dụng của nước ngoài. Chính sách phát triển này của VINASHIP nằm trong kế hoạch nâng cao năng suất vận tải và trẻ hóa Đội tàu biển Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến công tác đầu tư mở rộng quy mô hoạt động ngành nghề, tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường cho các đơn vị trực thuộc như Xí nghiệp Dịch vụ vận tải, Xí nghiệp Xếp dỡ - Vận tải và Dịch vụ.

Bên cạnh đó, Công ty chủ trương xây dựng hệ thống quản lý chất lượng để cung cấp dịch vụ vận tải biển đạt hiệu quả cao và bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo quyền lợi của khách hàng. Tăng cường dịch vụ phải đi kèm với tăng cường chất lượng. Chỉ có chất lượng mới tạo được lòng tin từ khách hàng. Hơn thế nữa Công ty có thể xây dựng được một hệ thống khách hàng thường xuyên, nằm trong chiến lược phát triển bền vững.

### **➤ Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

#### **Đầu tư phát triển đội tàu**

Trong năm 2009, Công ty đã hoàn thành giao dịch mua 03 tàu, tàu Vinaship Diamond trọng tải 24.034 DWT nhận ngày 19/3/2009, tàu Vinaship Pearl trọng tải 24.241 DWT nhận ngày 30/11/2009, tàu Vinaship Sea trọng tải 27.800 DWT nhận ngày 05/01/2010. Đồng thời Công ty cũng đã giao dịch bán tàu Hùng Vương 01, bàn giao tàu cho người mua ngày 20/11/2009. Hiện tại Đội tàu của Công ty gồm 19 tàu chở hàng khô với tổng trọng tải gồm 232.000 DWT. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực vận tải Đội tàu thông qua hình thức đóng tàu mới, mua tàu đã qua sử dụng; tập trung vào đầu tư Đội tàu chở hàng rời, hàng bách hóa; tiếp tục thực hiện chiến lược trẻ hóa Đội tàu thông qua việc bán những tàu già, cũ, hiệu quả khai thác kém. Để phát triển đội tàu, Công ty sẽ xem xét việc đóng tàu trong nước tại các xưởng của Vinashin hoặc tại nước ngoài (có thể là Trung Quốc nơi có chi phí nhân công rẻ và năng lực trình độ kỹ thuật tương đối phát triển) thông qua các tổ chức tài chính trong và ngoài nước. Tuy nhiên, nhìn chung hình thức đầu tư đóng tàu mới hiện nay không được hấp dẫn do giá tàu đã qua sử dụng đang ở mức rất thấp, thời gian nhận tàu nhanh. Vì vậy với khả năng tài chính của mình, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn tự có và thông qua các tổ chức tín dụng trong nước và quốc tế để triển khai các dự án đầu tư Đội tàu.

Trong giai đoạn từ 2010 - 2015, Công ty sẽ thực hiện kế hoạch đầu tư mua các tàu đã qua sử dụng hoặc đóng mới có tải trọng từ 15.000 đến 30.000 DWT để phát triển đội tàu. Song song với việc đầu tư thêm tàu, Công ty cũng sẽ chủ động bán một số tàu có số tuổi đã cao cho phù hợp với thực tế cũng như tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tổng trọng tải Đội tàu Công ty đến năm 2015 (sau khi đầu tư mới và bán bớt những tàu già) vào



khoảng 311.145 DWT, tuổi tàu bình quân dưới 19 tuổi.

Bên cạnh việc đẩy mạnh đầu tư Đội tàu hàng rời, theo chủ trương của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam là phát triển đa dạng các loại tàu, trong thời gian tới Công ty cũng sẽ xem xét việc phát triển các loại tàu hàng khác như tàu Container, tàu hàng lỏng, tàu chuyên dụng... tại thời điểm xét thấy có hiệu quả nhất.

Nguồn vốn đầu tư cho các dự án mua tàu dự kiến huy động từ các nguồn sau:

- ✓ Nguồn quỹ phát triển sản xuất, khấu hao cơ bản của Công ty
- ✓ Nguồn vay vốn ngân hàng
- ✓ Nguồn bán thanh lý các tàu cũ

#### **Đầu tư xây dựng cơ bản:**

Ngoài việc tập trung phát triển đội tàu để tăng năng lực cạnh tranh, Công ty sẽ xúc tiến để triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nhằm thúc đẩy các hoạt động dịch vụ tăng lên trong thời gian tới.

#### **Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thông tin**

Hiện tại các phòng ban trong toàn Công ty đã được trang bị đầy đủ công nghệ thông tin. Trong năm 2009 Công ty đã thực hiện kết nối lại đường mạng nội bộ đồng thời sử dụng đường truyền FTTH tốc độ cao, kết nối và trao đổi thông tin giữa các khu vực và trung tâm. Về phần mềm, Công ty cũng đã từng bước đầu tư các phân hệ phần mềm quản trị doanh nghiệp do các nhà cung cấp trong nước sản xuất phục vụ cho các bộ phận chuyên môn như Tài chính kế toán, Nhân sự và Quản lý khai thác Đội tàu nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

#### **Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Với phương châm là luôn đi tiên phong trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng, VINASHIP liên tục tìm kiếm các sản phẩm vận tải mới nhằm tăng tính cạnh tranh. Ngoài hoạt động vận tải biển, Công ty tổ chức kinh doanh các ngành nghề khác như đại lý vận tải nội địa, môi giới hàng hải, xếp dỡ, kiểm đếm hàng hóa và phục vụ vận chuyển Container tại bãi, dịch vụ cung ứng nước ngọt cho tàu tại cảng, đại lý tàu biển, sửa chữa nhỏ tàu biển, cho thuê bãi và kho Container, cho thuê thuyền viên. Những dịch vụ này trước mắt chủ yếu phục vụ Đội tàu Công ty nhằm tạo việc làm và doanh thu cho Công ty. Trong tương lai Công ty sẽ mở rộng và phát triển các hoạt động trên để từng bước hình thành mô hình vận tải khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hóa.





## **PHẦN II: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2009**

#### **❖ Các sự kiện nổi bật trong năm 2009**

- Nhận cờ “Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2009” của Bộ Giao thông Vận tải.
- Nhận bằng khen của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.
- Nhận bằng khen của Bộ quốc phòng.
- Nhận danh hiệu đơn vị quyết thắng của Bộ tư lệnh hải quân.

Năm 2009 là năm thứ ba Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức công ty cổ phần và là năm đầu tiên sau khi cổ phiếu của Công ty được giao dịch chính thức trên Sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch chứng khoán không chỉ là cơ hội để Công ty quảng bá thương hiệu và hình ảnh của mình mà còn là thách thức yêu cầu doanh nghiệp phải luôn nỗ lực, phát triển không ngừng để xứng đáng với niềm tin và sự lựa chọn của các nhà đầu tư.

Năm 2009, Việt Nam cũng như các nước trên thế giới đã trải qua nhiều biến động bất lợi cho sự phát triển kinh tế. Chỉ số lạm phát và chỉ số giá tiêu dùng tăng cao. Sự suy thoái của nền kinh tế thế giới trong năm 2009 dẫn tới giá nguyên vật liệu và nhu cầu tiêu dùng giảm, lượng hàng hoá xuất nhập khẩu giữa các nước trong khu vực và trên thế giới giảm mạnh ảnh hưởng trực tiếp đến ngành vận tải biển.

Trước những khó khăn của thị trường vận tải, Hội đồng quản trị của Công ty đã có những chỉ đạo kịp thời trong quản lý kinh doanh, các hoạt động khai thác và các phương án sửa chữa đội tàu Công ty, cắt giảm chi phí, thực hành tiết kiệm. Do đó, trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 đã đề ra.

### **2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2009**



STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	So sánh KH (%)	Năm 2008	So sánh KH (%)
1	Tổng doanh thu	694.797.000.000 đ	106,89 %	869.072.000.000 đ	110,71%
2	Lợi nhuận trước thuế	25.000.000.000 đ	125 %	80.500.000.000 đ	100,63%
3	Nộp ngân sách	12.000.000.000 đ	100 %	6.200.000.000 đ	100 %
4	Chỉ tiêu cố tức (dự kiến)	10%/năm	100%	20%/năm	100%

### 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

#### ❖ Đầu tư phương tiện năm 2009

Ngay từ đầu năm, Công ty vẫn tiếp tục triển khai kế hoạch đầu tư phát triển đội tàu bằng cách mở rộng quan hệ giao dịch trên thị trường quốc tế để tìm và chọn tàu và đã hoàn thành giao dịch mua 03 tàu là: tàu Vinaship Diamond trọng tải 24.034 DWT nhận ngày 19/3/2009, tàu Vinaship Pearl trọng tải 24.241 DWT nhận ngày 30/11/2009, tàu Vinaship Sea trọng tải 27.800 DWT nhận ngày 05/01/2010. Đồng thời trong năm 2009 đã giao dịch bán tàu Hùng Vương 01 và ngày 20/11/2009 đã giao tàu Hùng Vương 01 cho người mua tại Hải Phòng.

#### ❖ Đầu tư xây dựng bãi Container hậu phương tại phường Đông Hải

Nhằm đầu tư mở rộng bãi Container hậu phương tại phường Đông Hải sau khi bãi số I đã hoàn thiện, Công ty đã tiến hành mở rộng thêm bãi Container trên khu đất 1050 m<sup>2</sup> liền kề đưa tổng diện tích bãi lên khoảng 16.000 m<sup>2</sup> và hiện hoạt động của bãi đã ổn định và đem lại hiệu quả.

#### ❖ Mở rộng tuyến khai thác vận tải

Trước đây đội tàu biển của Công ty chủ yếu hoạt động trên tuyến Đông Nam Á và Đông Bắc Á. Sang năm 2009, sau khi đầu tư mua 03 tàu với trọng tải lớn kể trên, Công ty đã mở rộng tuyến khai thác vận tải, thực hiện chuyên chở trên cả khu vực châu Phi, châu Mỹ, châu Âu. Đây là bước ngoặt có ý nghĩa to lớn đối với đội tàu biển Công ty trong việc mở rộng thị trường, thị phần kinh doanh đồng thời nâng cao tay nghề và tính chuyên nghiệp cho đội ngũ sỹ quan thuyền viên và đội ngũ quản lý của Công ty.



#### **4. Triển vọng và kế hoạch trong thời gian tới**

Bước sang năm 2010, kinh tế thế giới đã phục hồi sau khủng hoảng nhưng vẫn tăng trưởng chậm. Năm 2010, châu Á được đánh giá là khu vực sẽ phục hồi sớm nhất. Đà phục hồi của kinh tế thế giới và châu Á sẽ phục thuộc nhiều vào sự phục hồi của kinh tế Mỹ. Tuy nhiên, theo dự báo, kinh tế Mỹ vẫn phục hồi chậm. Như vậy, tình trạng thiếu vốn của các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam sẽ còn diễn ra, xuất khẩu sẽ còn gặp khó khăn.

Trước bối cảnh đó, ngành vận tải biển Việt Nam trong năm 2010 được dự đoán là sẽ hồi phục và nhộn nhịp hơn năm 2009 nhưng duy trì ở mức trung bình và khó có nhiều khởi sắc.

Kinh tế thế giới tăng trưởng tốt hơn trong năm 2010 sẽ là điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, dự báo GDP 2010 của Việt Nam sẽ đạt 6,5% và Chính Phủ sẽ cố gắng duy trì lạm phát ở mức 7%; 3 yếu tố lạc quan tác động lên nhu cầu vận tải biển Việt Nam

Ngoài sự hồi phục của kinh tế, khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc – ASEAN và Australia, NewZeland – ASEAN chính thức hoạt động trong năm 2010 cũng sẽ mở ra cơ hội cho rất nhiều ngành.

Tiêu dùng sẽ vẫn tăng dù chậm cũng vẫn góp phần tạo thêm lực cầu mới. Cùng với đó, các dự án đầu tư nước ngoài đăng ký trong những năm vừa qua sẽ được giải ngân nhiều hơn trong năm 2010 do kinh tế phục hồi, dẫn đến nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu sẽ tăng. Các chương trình kích cầu sản xuất - đầu tư - tiêu dùng phát huy tác dụng sẽ dẫn đến nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu như sắt thép, vật liệu xây dựng, xăng dầu... tăng cao. Các doanh nghiệp sẽ tận dụng cơ hội từ Chương trình hỗ trợ lãi suất của Chính phủ (trung hạn và dài hạn) để mua sắm máy móc thiết bị nhập khẩu từ nước ngoài, đồng thời tận dụng cơ hội giá rẻ từ thị trường thế giới. Năng lực sản xuất trong nước được nâng cao thì nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ đầu tư, xây dựng, sản xuất, xuất nhập khẩu cũng gia tăng.

Tuy nhiên, mục tiêu ổn định nền kinh tế được ưu tiên hơn tăng trưởng nên sản xuất sẽ chưa có sự phát triển mạnh. Và trong bối cảnh kinh tế - tài chính trong nước và quốc tế vẫn còn nhiều bất ổn cần được giải quyết lâu dài thì cái nhìn về triển vọng ngành vận tải biển trong năm 2010 chưa thực sự lạc quan.

Trước triển vọng của nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành vận tải biển nói riêng, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã nhìn thấy nhiều cơ hội để đầu tư phát triển đội tàu, tăng năng lực cạnh tranh của Công ty cũng như lựa chọn, tuyển dụng nguồn nhân lực có tay nghề cao đặc biệt là đội ngũ sỹ quan thuyền viên.



***Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2010:***

- ♦ Tiếp tục nâng cao chất lượng trong công tác quản lý giám sát.
- ♦ Kết hợp với Ban điều hành nắm bắt kịp thời tình hình phát triển kinh tế trong nước và quốc tế, những chính sách vĩ mô của Nhà nước và Chính Phủ để điều chỉnh thường xuyên công tác quản lý, điều hành, hạn chế những thiệt hại cho doanh nghiệp, theo dõi sát sao biến động của thị trường để kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp
  - ♦ Quan tâm bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông, quyền lợi và thu nhập của người lao động trong Công ty.
  - ♦ Tổ chức các phiên họp định kỳ để nghe báo cáo, kiến nghị của Ban điều hành, thảo luận thông qua các đề án, báo cáo, dự án và các chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - ♦ Tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
  - ♦ Thảo luận các phương án, kế hoạch và chiến lược phát triển trong thời gian tới của Công ty.
  - ♦ Nghiên cứu các phương án đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành nhằm đạt mục tiêu kinh doanh.

**PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC****1. Báo cáo tình hình tài chính****1.1. Các hệ số tài chính**

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2008
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	14,69	23,28
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	85,31	76,72
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	70,49	56,77
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	29,51	43,23
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,42	1,76
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,24	0,29
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,86	11,69
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3,03	9,05
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	6,30	27,05

**1.2. Giá trị số sách tại thời điểm 31/12/2009**

Tài sản (đ)		Nguồn vốn (đ)	
I. Tài sản ngắn hạn	157.699.762.591	I. Nợ phải trả	756.501.114.083
II. Tài sản dài hạn	915.469.956.238	II. Vốn chủ sở hữu	316.668.604.746
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.073.169.718.829</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.073.169.718.829</b>



### 1.3. Cổ tức năm 2009: 10% (2.000 đ/CP)

### 1.4. Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm 31/12/2009

- Số lượng chứng khoán đã phát hành: 20.000.000 cổ phiếu  
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 20.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 20.000.000 cổ phiếu  
Trong đó: Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Công ty không phát hành bất kỳ loại trái phiếu nào

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### 2.1. Những thuận lợi, khó khăn

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2009 của Công ty gặp một số thuận lợi và khó khăn cụ thể như sau:

#### ❖ Thuận lợi

Trước hết là về nguồn hàng: Thị trường hàng hoá vận chuyển của Công ty trong những tháng cuối năm do nền kinh tế đang dần hồi phục nên hàng hoá vận tải bớt khan hiếm. Với chủ trương phát triển bền vững, Công ty đã chưa đầu tư lớn để phát triển đội tàu trong những năm trước khi giá tàu cao nên đã tránh được gánh nặng về tài chính. Sang năm 2009 khi giá tàu đã hạ, Công ty đã phát triển thêm được 03 tàu đưa trọng tải đội tàu tăng thêm 76.000 DWT tham gia kế hoạch, góp phần làm tăng sản lượng và doanh thu.

Trong hoạt động SXKD, Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo, hỗ trợ của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, các ban ngành của Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng, các cơ quan quản lý Nhà nước.

Lực lượng lao động và đội ngũ quản lý, điều hành của Công ty qua quá trình hoạt động trong cơ chế thị trường đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm và năng nổ trong công tác. Đời sống người lao động giữ được ổn định đã tạo cho cán bộ công nhân viên Công ty an tâm công tác và gắn bó với công việc và sự phát triển của Công ty.

#### ❖ Khó khăn

- Năm 2009 nhìn chung hoạt động vận tải biển gặp những khó khăn cơ bản là: Thị trường hàng hoá vận chuyển hàng xuất nhập khẩu do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính nên giá cước tụt giảm nhiều mặc dù từ tháng 8 giá cước có nhích lên một chút nhưng tính chung trong năm mức cước vẫn rất thấp chỉ bằng khoảng 40 – 45% so với năm 2008. Thị trường cho thuê



tàu định hạn giảm sút mạnh, giá thuê tàu giảm, hiện tại mức giá thuê chỉ bằng 40 – 45% năm 2008. Thị trường nguyên, nhiên, vật liệu đều biến động tuy có giảm nhưng tốc độ giảm không tương ứng với mức giảm giá cước và từ tháng 7 lại tiếp tục tăng.

- Với những khó khăn chung trên, riêng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn có những khó khăn đặc thù là: Đội tàu của Công ty hiện phần nhiều là tàu cũ cụ thể có 05 tàu trên 35 tuổi với trọng tải hơn 52.000 DWT, ngoài việc thường phát sinh chi phí sửa chữa và bảo dưỡng để duy trì tình trạng kỹ thuật, trong khai thác còn phải chịu thêm phí tàu già và chi phí bảo hiểm do đăng kiểm Việt Nam làm tăng chi phí trong giá thành vận tải. Trong năm số tàu phải định kỳ lên đà sửa chữa lớn là 9 chiếc. Ngoài ra còn phải lên đà đột xuất cho tàu Vinaship Gold do bị bão đưa lên cạn tại Đà Nẵng (trong tháng 11 còn tàu Hùng Vương 02 bị sự cố gãy trục mất chân vịt tại Hải Phòng). Tính riêng thời gian tàu nằm sửa chữa định kỳ và đột xuất chiếm 5,6% tổng thời gian. Các chi phí đầu vào cho đội tàu hầu như không giảm (vật tư nguyên liệu, nhân công, sửa chữa, cảng phí và các dịch vụ...) thậm chí còn tăng do đồng Dollar mất giá, thêm vào đó chi phí bảo hiểm PNI tăng thêm 50% làm giảm khả năng hạ giá thành vận tải.

## **2.2. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009**

### **❖ Tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2009**

Về hoạt động sản xuất vận tải của Công ty: Với những thuận lợi, khó khăn của thị trường vận tải, Công ty đã có nhiều biện pháp để duy trì ổn định sản xuất, tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và tài chính, tiếp tục đẩy mạnh khai thác nguồn hàng vận chuyển xuất nhập khẩu và chở thuê trong khu vực, tận dụng các chiều chạy của tàu để giảm bớt hành trình không hàng cũng như để tránh tàu phải nằm chờ hàng. Tuy nhiên do sự sụt giảm của nền kinh tế nên doanh thu và hiệu quả sản xuất còn hạn chế và nhiều khó khăn.

Về hoạt động sản xuất dịch vụ khác của Công ty: Trong tình trạng chung của các hoạt động mang tính dịch vụ hiện nay tuy đỡ hơn hoạt động vận tải biển nhưng cũng có nhiều khó khăn do thị trường giá cả nhìn chung đều tăng nên đã ảnh hưởng hạn chế đến hiệu quả sản xuất.

Về hoạt động đầu tư tài chính: Thị trường đầu tư tài chính từ tháng 8 đã có xu hướng hồi phục, công ty đã có những hoạt động giao dịch thích hợp để tăng thu nhập và điều chỉnh lại việc trích lập dự phòng phù hợp mang lại hiệu quả nhất định.

### **❖ Tình hình đầu tư phát triển đội tàu và xây dựng cơ bản**

**Đầu tư phương tiện năm 2009:** Ngay từ đầu năm, Công ty vẫn tiếp tục triển khai kế hoạch đầu tư phát triển đội tàu bằng cách mở rộng quan hệ giao dịch trên thị trường quốc tế để tìm chọn và đã hoàn thành giao dịch mua 03 tàu là: : tàu Vinaship Diamond trọng tải 24.034



DWT nhận ngày 19/3/2009, tàu Vinaship Pearl trọng tải 24.241 DWT nhận ngày 30/11/2009, tàu Vinaship Sea trọng tải 27.800 DWT nhận ngày 05/01/2010. Đồng thời đã giao dịch bán tàu Hùng Vương 01, giao cho người mua ngày 20/11/2009.

***Đầu tư xây dựng bãi Container hậu phương tại phường Đông Hải:*** Đầu tư mở rộng bãi Container hậu phương tại phường Đông Hải. Sau khi bãi số I đã hoàn thiện, Công ty đã tiến hành mở rộng thêm bãi Container trên khu đất 1050 m<sup>2</sup> liền kề đưa tổng diện tích bãi lên khoảng 16.000 m<sup>2</sup> và hiện hoạt động của bãi đã ổn định và đem lại hiệu quả.

### **2.3 Các biện pháp thực hiện**

Trước những khó khăn, thuận lợi nhiều mặt, Công ty đã có nhiều biện pháp để tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và tài chính, đẩy mạnh phát triển sản xuất, tăng doanh thu và hiệu quả sản xuất cụ thể là:

- Trước tình hình suy giảm kinh tế do khủng hoảng tài chính, hàng hoá vận chuyển trở nên khan hiếm, Công ty đã kịp thời chuyển hướng tăng cường mở rộng thị trường, tăng thêm các tuyến vận tải chở thuê trong khu vực và trên các tuyến vận tải biển xa vì vậy đã bảo đảm tìm đủ hàng vận chuyển cho đội tàu tránh tình trạng tàu phải nằm chờ hàng.

- Đầu tư phát triển tàu: Công ty thường xuyên theo dõi nắm bắt kịp thời những biến động của thị trường vận tải và giá mua bán tàu. Mặc dù có nhiều khó khăn về vốn nhưng Công ty đã hoàn thành kế hoạch đầu tư phát triển đội tàu. Trong năm Công ty đã hoàn thiện kế hoạch mua tàu của năm 2008 bằng việc tiếp nhận tàu Vinaship Diamond và thực hiện mua 02 tàu Vinaship Pearl, Vinaship Sea theo kế hoạch 2009 góp phần trẻ hoá đội tàu và tăng năng lực vận chuyển thêm 47,5%.

- Tiếp tục mở rộng hoạt động dịch vụ và sản xuất khác, Công ty đã đầu tư thêm xe nâng, mở rộng thêm gần 1.000 m<sup>2</sup> bãi Container hậu phương, và kiện toàn bộ máy quản lý, điều hành sản xuất của bãi đưa sản xuất ngày càng phát triển, đồng thời tiếp tục chỉ đạo xí nghiệp dịch vụ vận tải chủ động đẩy mạnh công tác thị trường, tích cực chuyển hướng hoạt động dịch vụ từ hàng rời, hàng lẻ sang dịch vụ phục vụ vận chuyển hàng container làm động lực phát triển trong hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, nên hoạt động sản xuất khác ngày càng phát triển tạo việc làm ổn định và mang lại hiệu quả năm hơn 3 tỷ đồng.

- Công ty thường xuyên tăng cường đổi mới và thực hiện tốt hệ thống quản lý trong các lĩnh vực quản lý tài chính, khai thác, quản lý kỹ thuật, cung ứng và sử dụng nhiên liệu vật tư, quản lý an toàn ... phù hợp với điều kiện kinh doanh mới. Vì vậy các tàu hoạt động tương đối ổn định và cơ bản đã đảm bảo được an toàn về hàng hoá, phương tiện, con người, môi trường làm việc





và môi trường biển. Đặc biệt các tàu khi hoạt động tuyến nước ngoài đã đáp ứng được mọi yêu cầu kiểm tra của chính quyền cảng và không gặp phiền toái nào để phải bị lưu giữ.

- Công ty đã thường xuyên quan tâm đến đời sống, tinh thần của người lao động nên mặc dù kinh tế có khó khăn nhưng vẫn giữ được mức ổn định, thu nhập bình quân năm 2009 đạt 7.300.000 đ/người-tháng. Trong hoạt động luôn thực hiện quy chế dân chủ trong doanh nghiệp, phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể xây dựng sự thống nhất cao mang lại hiệu quả sản xuất và nâng cao chất lượng đời sống người lao động trong Công ty.

Tuy là năm có nhiều khó khăn trong hoàn cảnh khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế nhưng với tinh thần nỗ lực đẩy mạnh sản xuất, nâng cao uy tín và năng lực cạnh tranh, xây dựng và củng cố thương hiệu, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông thông qua đem lại lợi ích kinh tế cho nhà đầu tư và nâng cao đời sống người lao động.

### **3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được**

#### **❖ Tăng cường công tác khai thác, nâng cao năng suất và hiệu quả phương tiện**

Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên chủ động thay đổi cơ cấu nguồn hàng và tuyển khai thác để đẩy mạnh khai thác nguồn hàng, mở rộng tuyến vận tải vì vậy đã luôn bảo đảm được nguồn hàng vận chuyển cho đội tàu và hoạt động khai thác kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Công tác khai thác, điều động đội tàu ngày càng hợp lý tiếp tục phương án phân tuyến hoạt động phù hợp với tình trạng kỹ thuật của từng loại tàu đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật về bảo quản và chuyên chở của từng loại hàng và chủ hàng. Trong điều hành sản xuất đã có nhiều sáng tạo và giải pháp để góp phần giải phóng tàu nhanh rút ngắn ngày quay vòng tăng năng suất phương tiện. Cùng với việc khai thác đội tàu trên thị trường truyền thống, Công ty đã từng bước thực hiện phương án mở rộng hoạt động vận tải sang các vùng biển xa.

#### **❖ Nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật và chất lượng công tác quản lý vật tư nhiên liệu và an toàn:**

Ngay từ đầu năm Công ty đã tổ chức các đoàn công tác với thành phần của các bộ phận quản lý trong Công ty phối hợp với các tổ chức đảng, công đoàn tiến hành làm việc cùng các tàu và người lao động trong Công ty để rà soát và xây dựng nội quy, quy chế liên quan đến việc làm, điều động, trả lương, quản lý kỹ thuật, vật tư, xây dựng định mức nhiên nguyên vật liệu và đặc biệt là việc xác định chế độ hoạt động và thời gian chạy tàu hợp lý để phát huy công suất của tàu rút ngắn quay vòng, tiết kiệm thời gian và nhiên liệu góp phần tăng năng suất lao động và hiệu quả khai thác. Đưa sản xuất của Công ty ngày càng ổn định và phát triển.



Để đảm bảo hiệu quả kinh doanh, Công ty đã tăng cường chú trọng công tác quản lý và cung ứng nhiên liệu, vật tư. Do đặc điểm khai thác đội tàu VINASHIP thường xuyên đi và đến các cảng trong tp.Hồ Chí Minh nên Công ty đã liên tục bố trí các đoàn công tác phía Nam để hỗ trợ các tàu của Công ty trong bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa đầu bến cũng như tiến hành các công tác kiểm tra kiểm soát việc thực hiện các quy định về quản lý kỹ thuật, quản lý an toàn phương tiện hàng hoá, con người và môi trường, các quy chế của công ty trong quản lý, cung ứng, cấp phát và sử dụng nguyên nhiên vật liệu của đội tàu đảm bảo an toàn trong sản xuất và thực hành tiết kiệm.

#### ❖ **Nâng cao chất lượng lao động**

Đi đôi với công tác nâng cao chất lượng công tác quản lý và khai thác kinh doanh, Công ty đã thấy rõ vai trò quyết định của yếu tố con người trong sự thành bại, để đáp ứng yêu cầu công việc cũng như tạo sự hấp dẫn trong cạnh tranh giành giật thị trường vận tải. Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo để không ngừng nâng cao kiến thức nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ cho cán bộ CNVC, sĩ quan thuyền viên. Bố trí được những thuyền bộ có đủ kinh nghiệm, kiến thức nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị để điều hành và khai thác đội tàu.

Từ những việc làm tích cực trên nên trình độ cán bộ công nhân viên từ phòng ban đến các tàu vận tải đã từng bước nâng lên rõ, chất lượng của dịch vụ bảo quản, xếp dỡ và chuyên chở hàng hoá do Công ty thực hiện được khách hàng chấp nhận và tin tưởng. Người lao động càng thêm gắn bó với kết quả sản xuất và sự phát triển của Công ty

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

### **4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010.**

Năm 2010, với số lượng 19 chiếc tàu có tổng trọng tải 232.000 DWT tham gia thực hiện kế hoạch năm. Dự kiến thị trường vận tải trong thời gian tới sẽ còn nhiều khó khăn thách thức trước mắt là tình hình phục hồi chậm sau thời gian suy giảm của nền kinh tế thế giới và khu vực, Công ty sẽ nỗ lực đẩy mạnh sản xuất với các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau:

- Doanh thu: 925.000.000.000 đồng
- Trong đó: + Doanh thu vận tải: 840.000.000.000 đồng
- + Doanh thu khác: 85.000.000.000 đồng
- Nộp ngân sách 100% theo quy định: 14.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 40.000.000.000 đồng



- Đầu tư phát triển: mua 01-02 tàu đã qua sử dụng từ 10.000 – 30.000 DWT
- Bán 02 – 03 tàu cũ không hiệu quả

#### **4.2. Các biện pháp cơ bản**

Để đạt được những mục tiêu trên, ban điều hành tiếp tục thực hiện tốt những biện pháp cơ bản sau:

- Tập trung cho công tác tìm kiếm nguồn hàng, duy trì các tuyến vận tải truyền thống của Công ty trong khu vực với đội tàu hiện có, duy trì và phát triển các tuyến vận tải biển xa với các tàu lớn mới đầu tư, tận dụng năng lực vận chuyển của đội tàu.

- Duy trì tổ chức phục vụ tốt cho các tàu ở đầu bến nhất là tại các cảng Việt Nam để hạn chế tổn thất ngày tàu. Trong tình hình thị trường cước suy giảm cần đặc biệt quan tâm đơn đốc tranh thủ thời tiết tốt đẩy nhanh tiến độ giải phóng tàu rút ngắn quay vòng để đảm bảo doanh thu và hiệu quả sản xuất.

- Đẩy mạnh các biện pháp kiểm tra kỹ thuật, thực hiện tốt các quy trình vận hành, bảo quản bảo dưỡng máy móc thiết bị, tập trung lập kế hoạch sửa chữa phương tiện hợp lý để tiết giảm chi phí sửa chữa đảm bảo yêu cầu của đăng kiểm và cấp tàu.

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vật tư, nhiên liệu và tài chính đảm bảo tiết kiệm chi phí sản xuất và hiệu quả kinh tế. Thường xuyên bám sát thị trường nhiên vật liệu để có kế hoạch cung ứng phục vụ sản xuất đảm bảo tiết kiệm chi phí hạ giá thành.

- Tiếp tục chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, động viên và quản lý đối với lực lượng lao động để không ngừng nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm, quyết tâm khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ sỹ quan thuyền viên và người lao động, nâng cao một bước trình độ quản lý, điều hành của cán bộ quản lý đáp ứng thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Bán và thanh lý một số tàu cũ, không hiệu quả để tập trung nguồn vốn đầu tư phát triển trẻ hoá và cơ cấu lại trọng tải của đội tàu.

- Tăng cường công tác quản lý, mở rộng các dịch vụ hiện có để tăng nguồn thu và hiệu quả cho Công ty.

**PHẦN IV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

<b>TÀI SẢN</b>	<b>MÃ SỐ</b>	<b>THUYẾT MINH</b>	<b>NGÀY 31/12/2009</b>	<b>NGÀY 01/01/2009</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>157.699.762.591</b>	<b>162.011.285.155</b>
<b>(100=110+120+130+140+150)</b>				
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>		<b>77.548.960.147</b>	<b>61.796.638.047</b>
1- Tiền	111	V.01	77.548.960.147	31.796.638.047
2- Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III- Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>25.292.673.675</b>	<b>38.372.183.398</b>
1- Phải thu của khách hàng	131		20.528.394.273	29.571.919.545
2- Trả trước cho người bán	132		38.000.000	4.000.439.768
3- Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5- Các khoản phải thu khác	135	V.03	4.726.279.402	4.799.824.085
6- Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>41.032.651.148</b>	<b>44.427.897.237</b>
1- Hàng tồn kho	141	V.04	41.032.651.148	44.427.897.237
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.825.477.621</b>	<b>17.414.566.473</b>
1- Chi phí trả trước ngắn hạn	151		658.647.158	10.035.991.776
2- Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.995.057.063	125.212.464
3- Thuế và các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	V.05	229.269.490	395.185.292
5- Tài sản ngắn hạn khác	158		8.942.503.910	6.858.176.941
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>915.469.956.238</b>	<b>533.979.628.321</b>
<b>(200=210+220+240+250+260)</b>				
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>103.209.700</b>
1- Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	103.209.700
2- Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3- Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4- Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>900.021.614.799</b>	<b>493.657.813.418</b>
1- Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	872.892.218.157	493.583.543.655
- Nguyên giá	222		1.355.407.450.935	957.514.646.997
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(482.515.232.778)	(463.931.103.342)
2- Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
3- Tài sản cố định vô hình	227	V.10	37.707.011	74.269.763
- Nguyên giá	228		116.699.500	116.699.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.992.489)	(42.429.737)
4- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	27.091.689.631	-
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>178.177.439</b>	<b>759.381.203</b>
- Nguyên giá	241		5.812.037.477	5.812.037.477
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(5.633.860.038)	(5.052.656.274)
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>15.270.164.000</b>	<b>39.459.224.000</b>
3- Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	22.281.123.125	49.170.183.125
4- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(7.010.959.125)	(9.710.959.125)
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1- Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	-	-
2- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.073.169.718.829</b>	<b>695.990.913.476</b>



NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2009	NGÀY 01/01/2009
1	2	3	4	5
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>756.501.114.083</b>	<b>395.097.933.826</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>327.351.743.551</b>	<b>209.638.103.162</b>
1- Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	181.753.408.180	40.976.400.000
2- Phải trả người bán	312		80.579.496.955	63.232.871.310
3- Người mua trả tiền trước	313		14.765.495.130	12.446.742.683
4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	5.454.522.256	2.129.713.626
5- Phải trả công nhân viên	315		18.033.217.933	30.133.422.667
6- Chi phí phải trả	316	V.17	6.703.380.396	1.983.835.424
7- Phải trả nội bộ	317		-	-
9- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	20.062.222.701	58.735.117.452
10- Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>429.149.370.532</b>	<b>185.459.830.664</b>
1- Phải trả dài hạn người bán	331		9.965.771.606	-
2- Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3- Phải trả dài hạn khác	333		10.902.972.561	-
4- Vay và nợ dài hạn	334	V.20	407.571.895.000	185.007.100.000
6- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		708.731.365	452.730.664
7- Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>316.668.604.746</b>	<b>300.892.979.650</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>310.817.279.113</b>	<b>294.171.256.192</b>
1- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
6- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.309.832.086)	-
7- Quỹ đầu tư phát triển	417		64.244.999.415	62.249.646.256
8- Quỹ dự phòng tài chính	418		7.681.887.070	6.684.210.491
9- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		41.200.224.714	25.237.399.445
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>5.851.325.633</b>	<b>6.721.723.458</b>
1- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		5.851.325.633	6.721.723.458
2- Nguồn kinh phí	432		-	-
3- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.073.169.718.829</b>	<b>695.990.913.476</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2009	NGÀY 01/01/2009
1- Tài sản thuê ngoài		V.24		
4- Nợ khó đòi đã xử lý (VND)			303.509.700	186.440.000,00
5- Ngoại tệ các loại (USD)			2.559.487,54	1.023.067,91
6- Dự toán chi sự nghiệp, dự án				



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
NĂM 2009**

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2009		NĂM 2008
			4	5	
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	659.383.278.902	899.511.138.449	
2- Các khoản giảm trừ	02				
+ Chiết khấu thương mại	04				
+ Giảm giá hàng bán	05				
+ Hàng bán bị trả lại	06				
+Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế XK, thuế GTGT	07				
3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		659.383.278.902	899.511.138.449	
4- Giá vốn hàng bán	11	VI.27	623.027.543.602	757.830.378.922	
5- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		36.355.735.300	141.680.759.527	
6- Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	43.677.067.944	18.569.749.472	
7- Chi phí tài chính	22	VI.28	30.122.861.782	31.744.721.303	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.957.253.317	12.412.377.584	
8- Chi phí bán hàng	24		13.286.141.908	16.149.542.593	
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		25.288.149.762	30.778.228.787	
10- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30=20+(21-22)-(24+25)			11.335.649.792	81.578.016.316	
11- Thu nhập khác	31		14.142.935.974	1.932.183.245	
12- Chi phí khác	32		167.551.363	2.057.920.489	
13- Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		13.975.384.611	(125.737.244)	
14- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25.311.034.403	81.452.279.072	
15- Chi phí TNDN hiện hành	51	VI.30	5.357.502.816	73.408.163	
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30			
17- Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		19.953.531.587	81.378.870.909	
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		998	4.069	





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2009	NĂM 2008
1	2	3	4	5
<b>I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		641.971.746.632	846.677.477.471
2- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(426.673.613.427)	(530.570.326.446)
3- Tiền chi trả cho người lao động	03		(104.641.282.347)	(107.647.893.077)
4- Tiền chi trả lãi vay	04		(21.946.255.496)	(14.831.507.804)
5- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(73.408.163)	(125.234.506)
6- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		38.779.042.036	25.381.317.448
7- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(55.252.195.278)	(64.562.949.609)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>72.164.033.957</b>	<b>154.320.883.477</b>
<b>II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(460.565.301.623)	(98.866.874.968)
2- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		13.608.116.250	1.000.727.273
3- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(700.000.000)
4- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	700.000.000
5- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.110.940.000)	(14.751.238.725)
6- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		57.400.000.000	-
7- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.891.612.043	11.475.825.655
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(385.776.513.330)</b>	<b>(101.141.560.765)</b>
<b>III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ SH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		482.921.960.675	26.128.639.000
4- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(122.965.376.189)	(46.835.000.000)
5- Tiền chi trả nợ gốc vay	35		-	-
6- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	36		(29.417.440.000)	(37.698.080.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>330.539.144.486</b>	<b>(58.404.441.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b> <b>(50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>16.926.665.113</b>	<b>(5.225.118.288)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>		<b>61.796.638.047</b>	<b>66.840.765.004</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.174.343.013)	180.991.331
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b> <b>(70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	VII.34	<b>77.548.960.147</b>	<b>61.796.638.047</b>



❖ **Thuyết minh Báo cáo tài chính :**

**1.THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu**

Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Thực hiện chủ trương đổi mới và sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước, ngày 06/09/2005 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải đã ra Quyết định số 3292/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt danh sách các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện cổ phần hoá trong đó có Công ty. đến ngày 27/12/2006, Công ty đã thực hiện chuyển đổi xong và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203002740 ngày 27/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông của Công ty bao gồm:

<b>Cổ đông</b>	<b>Vốn góp (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	102.000.000.000	51
Cổ đông khác	98.000.000.000	49

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 VNĐ.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 1 đường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Các đơn vị thành viên của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Đà Nẵng
- Chi nhánh Quảng Ninh
- Xí nghiệp Dịch vụ vận tải
- Xí nghiệp Xếp dỡ và Dịch vụ vận tải

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1064 người (năm 2008:957 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**





Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh vận tải biển, Khai thác cầu cảng, kho bãi và dịch vụ giao nhận, kho vận; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải nội địa, đại lý container; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ kiểm đếm hàng hoá; Dịch vụ Khai thuê hải quan; Dịch vụ hợp tác lao động; Cho thuê văn phòng, kinh doanh khách sạn; Dịch vụ xuất nhập khẩu; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của Xí nghiệp Dịch vụ vận tải và loại trừ các giao dịch nội bộ giữa văn phòng Công ty và Xí nghiệp này.

### ***Tính liên tục hoạt động***

Tại ngày 31/12/2009, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 169.651.980.960 VND (ngày 31/12/2008 là 47.626.818.007 VND). Bên cạnh đó, tình hình khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã có những tác động sâu sắc đến hoạt động kinh doanh của Công ty làm cho giá cước vận tải biển trên thị trường vận tải giảm mạnh. Những dấu hiệu này cho thấy hoạt động của Công ty gặp khó khăn. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã có những dự kiến về kế hoạch kinh doanh và dự kiến về tình hình lưu chuyển tiền tệ trong thời gian tới của Công ty. Do đó, Ban Giám đốc cho rằng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong thời gian tới là hoàn toàn khả thi. Dựa trên các kế hoạch này thì dự kiến Công ty vẫn đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể vượt qua được khó khăn và không cần phải thu hẹp quy mô hoạt động kinh doanh. Vì vậy, báo cáo tài chính này vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục và chưa có bất kỳ sự điều chỉnh nào do yếu tố không chắc chắn nói trên.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh



hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu, phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ tăng 2.309.832.086 VND và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm tương ứng so với việc áp dụng theo VAS 10. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**



Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### **Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm số dư chi phí sửa chữa lớn trích trước, lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Đối với chi phí sửa chữa lớn các phương tiện vận tải, tại thời điểm đầu kỳ kế toán, Công ty sẽ trích trước cho từng tàu theo kế hoạch sửa chữa được lập cho 3 năm tới. Chi phí trích trước này được ghi nhận trên tài khoản "Chi phí phải trả". Số dư bên có cuối kỳ của chi phí trích trước tài sản cố định sẽ được thể hiện trên khoản mục "Phải trả dài hạn", số dư bên nợ cuối kỳ sẽ trình bày trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn". Toàn bộ số dư hiện tại của tài khoản trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định đã được quyết toán trong năm 2009.

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm kể từ thời điểm Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.



Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp n việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2009	Năm 2008
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25	05 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn(*)	04 - 30	04 - 15
Thiết bị quản lý	03 - 06	03 - 06

(\*) Theo Công văn số 17274/BTC\_TCDN ngày 10/12/2009, Bộ Tài chính đã cho phép Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship thực hiện trích khấu hao năm 2009 đối với đội tàu biển (gồm 16 con tàu kèm theo công văn này) với mức giảm chi phí khấu hao tối đa là 50% so với mức khấu hao năm 2008 cũng như quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 và công văn số 7136/TCDN ngày 28/6/2004 của Bộ Tài chính (từ năm 2010, Công ty thực hiện trích khấu hao đội tàu theo đúng mức trích khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành). Trên cơ sở công văn của Bộ Tài chính, Ban giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi số năm sử dụng của đội tàu biển để giảm chi phí khấu hao năm 2009 với mức giảm chi tiết từng con tàu từ 25% đến 42% làm cho chi phí khấu hao năm 2009 giảm khoảng 22,7 tỷ VND so với năm 2008 và lợi nhuận trước thuế tăng lên một khoản tương ứng.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và phần mềm vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải tính khấu hao.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Bất động sản đầu tư**



Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Bất động sản đầu tư đwocj khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 05 đến 25 năm.

### **Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các tài khoản phải thu, phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo các quy định hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007 và năm 2008) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo (năm 2009, năm 2010 và 2011) kể từ khi chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần. Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 là năm thứ ba Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bị lỗ do đó Công ty không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động kinh doanh chính. Thuế thu



nhập doanh nghiệp cho các hoạt động không phải là hoạt động kinh doanh chính được tính theo tỷ lệ thuế suất là 25%

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt nam.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>(VNĐ)</b>	<b>(VNĐ)</b>
Tiền mặt	2.894.829.437	3.030.974.752
Tiền gửi ngân hàng	74.654.130.710	28.765.663.295
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
	<b>77.548.960.147</b>	<b>61.796.638.047</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>(VNĐ)</b>	<b>(VNĐ)</b>
Nhiên liệu	31.692.467.969	33.211.534.085
Phụ tùng, vật liệu	9.037.684.382	10.980.958.4484
Hàng hoá	302.498.797	235.404.668
	<b>41.032.651.148</b>	<b>44.427.897.237</b>

**7. Tài sản cố định hữu hình**



	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2009	23.398.691.525	144.530.048	932.694.523.241	1.276.902.183	957.514.646.997
Tăng trong năm	2.949.600.000	-	424.662.129.076	153.615.586	427.765.344.662
- Tăng do mua sắm	-	-	424.662.129.076	153.615.586	424.815.744.662
- Tăng do XDCB bàn giao	2.949.600.000	-	-	-	2.949.600.000
Giảm trong năm	-	-	29.853.617.997	18.922.727	29.872.540.724
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	29.853.617.997	18.922.727	29.872.540.724
Tại ngày 31/12/2009	26.348.291.525	144.530.048	1.327.503.034.320	1.411.595.042	1.355.407.450.935
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2009	3.405.523.030	109.167.459	459.243.593.611	1.172.819.242	463.931.103.342
- Khấu hao trong năm	1.697.603.927	10.601.316	46.678.119.483	70.345.434	48.456.670.160
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	29.853.617.997	18.922.727	29.872.540.724
Tại ngày 31/12/2009	5.103.126.957	119.768.775	476.068.095.097	1.224.241.949	482.5515.232.778
Giá trị còn lại					
Tại ngày 31/12/2009	21.245.164.568	24.761.273	851.434.939.223	187.353.093	872.892.218.157
Tại ngày 31/12/2008	19.993.168.495	35.362.589	473.450.929.630	104.082.941	493.583.543.655

Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của một số tài sản cố định thuộc nhóm phương tiện vận tải theo Công văn số 17274/BTC-TCDN ngày 10/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng thời gian sử dụng hữu ích mới nói trên sẽ phản ánh chính xác hơn tình hình sản xuất kinh doanh cũng như hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty.

Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại ngân hàng (xem Quyết minh số 14).

## 8. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa , vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2009</b>	<b>5.683.747.331</b>	<b>128.290.146</b>	<b>5.812.037.477</b>
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>5.683.747.331</b>	<b>128.290.146</b>	<b>5.812.037.477</b>





**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2009

**4.940.211.858    112.444.416    5.052.656274**

Khấu hao trong năm

568.374.744    12.829.020    581.203.764

Tại ngày 31/12/2009

**5.508.586.602    125.273.436    5.633.860.038**

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 31/12/2007

**175.160.729    3.016.710    178.177.439**

Tại ngày 28/12/2006

**743.535.473    15.845.730    759.381.203**

Tiền thuê Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư trong năm là 1.494.095.061 VND (năm 2008: 950.233.092 VND).

**9. Đầu tư dài hạn khác**

Chi tiết số dư đầu tư cổ phiếu tại ngày 31/12/2009 như sau:

Cổ phiếu	Số lượng (cổ phần)	Mệnh giá (VNĐ)	Giá trị mua (VNĐ)
1. Ngân hàng TMCP Hàng hải	418.504	4.185.040.000	31.124.800.000
2. Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	60.000	10.000	1.276.000.000
3. Công ty CP Phân đạm và Hoá chất dầu khí	25.000	10.000	1.310.637.500
4. Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển VN	32.839	10.000	673.644.400
5. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương VN	30.000	10.000	<b>3.150.000.000</b>
6. Tổng Công ty Bia Rượu Nước Giải khát SG	160.000	10.0000	<b>11.200.000.000</b>
7. Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên	18.900	10.000	<b>485.801.225</b>
<b>Cộng</b>			<b>22.281.123.125</b>

Trong năm 2009, do giá một số cổ phiếu tăng so với giá tại ngày 31/12/2008 nên Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu trong năm với giá trị 2,7 tỷ VND.

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2009 (VNĐ)	31/12/2008 (VNĐ)
Vay ngắn hạn	92.594.428.180	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải (Chi nhánh Hải Phòng) (i)	22.724.134.597	-
Ngân hàng TMCP Bảo Việt(ii)	57.311.593.583	-
Bonvoy Navigation Limited (iii)	12.558.700.000	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>89.158.980.000</b>	<b>40.976.400.000</b>



(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng số 00036/09/HP ngày 27/3/2009 với hạn mức tối đa là 50.000.000.000 VND, lãi suất 6,2%/năm (Được hỗ trợ 4% theo chương trình hỗ trợ kích cầu của Chính Phủ). Giá trị tài sản đảm bảo liên quan đến khoản vay này có giá trị 72.000.000.000 tỷ (bao gồm giá trị tàu Bình Phước, tàu Hà Đông, tàu Hà Tiên).

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIET BANK) theo Hợp đồng số 187.2009.HĐTD ngày 29/10/2009 với hạn mức tối đa là 80.000.000.000 VND với lãi suất vay theo Quy định của BAOVIET BANK tại thời điểm giải ngân. Giá trị tài sản đảm bảo liên quan đến khoản vay này là các tàu của Công ty bao gồm: Tàu Chương Dương, tàu Hưng Yên và tàu Hà Nam.

(iii) Khoản vay ngắn hạn Bonvoy Navigation Limited – Singapore theo Hợp đồng ngày 17/12/2009 với số tiền vay là 700.000 USD, lãi suất 6,0%/năm. Khoản vay để phục vụ cho mục đích mua tàu Eternal Island và không có tài sản đảm bảo.

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	8.863.899	-
Thuế xuất nhập khẩu	3.331.015	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.125.958.754	-
Thuế thu nhập cá nhân	316.368.588	2.129.713.626
	<b>5.454.522.256</b>	<b>2.129.713.626</b>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2009	31/12/2008
	VNđ	VNđ
Kinh phí công đoàn	1.918.893.786	1.035.320.272
Phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	12.400.000.000	51.710.372.552
<b>Trong đó:</b>		
- Cổ phần ưu đãi bán cho công nhân viên	-	8.843.008.800
- Cổ phần bán cho Công đoàn	-	342.660.000
- Chi phí cổ phần hoá	-	(374.050.727)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.669.898.020)
- Chênh lệch vốn	-	4.768.652.499
- Phải trả cổ tức	12.400.000.000	40.800.000.000
Thu chi hộ tàu thuê định hạn, đại lý tàu	-	521.894.527
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.743.3283.915	5.467.530.101
	<b>20.062.222.701</b>	<b>58.735.117.452</b>

(\*) Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Thông tư số 11/2007/TT-BTC của năm 2005.



(\*\*) Chênh lệch giữa phần vốn Nhà nước tại ngày 27/12/2006 và vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 200.000.000.000 VNĐ là 3.883.235.528 VNĐ được chuyển sang trình bày trên khoản phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về cổ phần hoá .

**13. Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2009 (VNĐ)	31/12/2008 (VNĐ)
Phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt nam về cổ phần hoá	10.902.972.561	30.735.720.000
	<b>10.902.972.561</b>	<b>-</b>

**14. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2009 (VNĐ)	31/12/2008 (VNĐ)
<b>Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Hải Phòng</b>	<b>128.983.000.000</b>	<b>149.587.000.000</b>
HĐ 01/2003/HĐTD (i)	39.375.000.000	46.875.000.000
HĐ 04/2006/HĐTD (ii)	89.608.000.000	102.712.000.000
<b>Ngân hàng TMCP Hàng hải – CN Hải Phòng</b>	<b>365.547.875.000</b>	<b>76.396.500.000</b>
HĐ 00787/07/HP (iii)	59.205.300.000	76.396.500.000
HĐ 033/09/HP ngày 11/3/2009 (iv)	144.873.575.000	-
HĐ 0198/09/HP ngày 12/10/2009 (v)	161.469.000.000	-
<b>Ngân hàng TMCP VN Thường tín – CN Hải Phòng</b>	<b>2.200.000.000</b>	-
HĐ 119/HĐTD.VBHP.09 Container 10 tấn (vi)	2.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>496.730.875.000</b>	<b>225.983.500.000</b>
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 10)	89.158.980.000	40.976.400.000
<b>Số dư vay dài hạn</b>	<b>407.571.895.000</b>	<b>185.007.100.000</b>

(i) Hợp đồng tín dụng số 01/2003/HĐTD ngày 28/03/2003: Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng với số tiền vay là 75.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay được trả hàng tháng và trong vòng 120 tháng, thời gian bắt đầu trả nợ gốc từ tháng 4/2005. Lãi suất vay là 3%/năm, lãi trả hàng tháng kể từ khi phát sinh dư nợ vay. Công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là tàu Mỹ Hưng làm đảm bảo cho khoản vay.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 04/2006/HĐTD ngày 06/11/2006: Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng với số tiền vay là 118.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Nợ gốc được trả hàng tháng và trong vòng 108 tháng, bắt đầu trả nợ gốc từ tháng 11/2008. Lãi suất vay là 7,8%/năm, lãi trả hàng tháng kể từ khi phát sinh dư nợ vay. Công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là tàu Vinaship Gold để đảm bảo cho khoản vay.

(iii) Hợp đồng tín dụng số 0078/07/HP tháng 7/2007 và phụ lục điều chỉnh: Công ty đã ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải – Chi nhánh Hải Phòng



với số tiền vay là 6.000.000 USD, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Nợ gốc được trả ba tháng một lần và trong vòng 60 tháng, bắt đầu trả nợ gốc từ tháng 11/2007. Lãi suất vay là SIBOR 6 tháng cộng 1,8%/năm, lãi trả cùng với ngày trả gốc. Công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là tàu Vinaship Ocean và 01 con tàu khác của Công ty để đảm bảo cho khoản vay.

(iv) Hợp đồng tín dụng số 033/09/HP ngày 11/03/2009: Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải – Chi nhánh Hải Phòng (Maritime Bank) với số tiền vay là 9.450.000 USD, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Nợ gốc được trả tháng và trong vòng 84 tháng, bắt đầu trả nợ gốc từ tháng 06/2009. Lãi suất kỳ đầu tiên vay là 6.5%/năm, từ kỳ thứ hai trở đi lãi suất bằng tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Maritime Bank quy định tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) 3%, lãi trả hàng tháng kể từ khi phát sinh dư nợ vay. Công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là tàu Vinaship Diamond để đảm bảo cho khoản vay.

(v) Hợp đồng tín dụng số 0198/09/HP ngày 12/10/2009: Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải – Chi nhánh Hải Phòng (Maritime Bank) với số tiền vay là 9.000.000.000 USD, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên cho đến khi bên vay trả hết nợ gốc, lãi vay và các chi phí nếu có. Thời gian trả nợ lãi là 3 tháng một kỳ kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi điều chỉnh 3tháng/lần.. Nợ gốc được trả tháng và trong vòng 84 tháng, bắt đầu trả nợ gốc từ tháng 06/2009. Kỳ đầu tiên là 7.0%/năm, từ kỳ thứ hai trở đi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Maritime Bank quy định tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) 3.2% nhưng không thấp hơn 7%/năm và chịu sự điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Maritime Bank. Khoản vay này được đảm bảo bằng tàu chở hàng khô hình thành từ nguồn vốn vay là tàu MERCURY FRONTIER TRIJ GIÁ 12.900.000 USD.

(v) Hợp đồng tín dụng số 119/HDTD.VBHP.09 ngày 18/11/2009: Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương Tín – Chi nhánh Hải Phòng với số tiền vay là 2.600.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền lần đầu Nợ gốc được trả trong vòng 3 tháng, kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Thời gian trả nợ lãi là 1 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể. Phí gia hạn/điều chỉnh kỳ hạn: 0.02% số tiền gia hạn hoặc điều chỉnh kỳ hạn. Khoản vay này được dùng bổ sung vốn kinh doanh, đầu tư mở rộng bãi chứa container và mua một xe nâng container Ferrari 248. Công ty đã thế chấp 1 xenâng container nhãn hiệu KONECRANER do



Trung Quốc sản xuất năm 2008, với giá trị tài sản là 4.198.000.000 VND để đảm bảo cho khoản vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>31/12/2009</b> <b>(VND)</b>	<b>31/12/2008</b> <b>(VND)</b>
Trong vòng 1 năm	89.158.980.000	40.976.400.000
Trong năm thứ 2	89.158.980.000	40.976.400.000
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	171.258.460.000	97.463.700.000
Sau 5 năm	147.154.455.000	46.567.000.000
<b>Cộng</b>	<b>496.730.875.000</b>	<b>225.983.500.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	89.158.980.000	40.976.400.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>202.578.101.000</b>	<b>97.283.040.000</b>

### 15. Vốn chủ sở hữu

	<b>Vốn điều lệ</b> <b>(VND)</b>	<b>Lợi nhuận sau</b> <b>thuế chưa</b> <b>phân phối</b> <b>(VND)</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>(VND)</b>
<b>Tại ngày 01/01/2008</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>59.806.710.866</b>	<b>259.806.710.866</b>
<b>Lợi nhuận trong năm</b>	-	<b>81.378.870.909</b>	<b>81.378.870.909</b>
Thuế TNDN được giảm	-	(22.050.510.186)	(22.050.510.186)
Trích quỹ trong năm	-	(11.865.672.144)	(11.865.672.144)
<b>Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát</b>	-	<b>(2.032.000.000)</b>	<b>(2.032.000.000)</b>
Chia cổ tức	-	(80.000.000.000)	(80.000.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2008</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>25.237.399.445</b>	<b>225.237.399.445</b>
Lợi nhuận trong năm	-	19.953.531.587	19.953.531.587
Trích quỹ trong năm (*)	-	(3.990.706.318)	(3.990.706.318)
Tại ngày 31/12/2009	<b>200.000.000.000</b>	<b>41.200.224.714</b>	<b>241.200.224.714</b>

(\*) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 12/05/2009, Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2009 cho các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ lần lượt là 10%, 5%, 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc phân phối các quỹ từ lợi nhuận năm 2009 này sẽ được Đại hội đồng cổ đông chính thức thông qua trong năm 2010.

### Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 200 tỷ VND. Tại ngày 31/12/2009, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	<b>Theo giấy chứng</b> <b>nhận đầu tư</b> <b>VND</b>	<b>%</b>	<b>Vốn đã góp</b> <b>VND</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Hàng hải Việt	102.000.000.000	51%	102.000.000.000	51%



Nam				
Vốn của các cổ đông khác	98.000.000.000	49%	98.000.000.000	49%
<b>Tổng cộng</b>	<b>200.000.000.000</b>		<b>200.000.000.000</b>	

**Các quỹ**

	Quỹ đầu tư, phát triển (*) (VND)	Quỹ dự phòng tài chính (VND)
<b>Tại ngày 01/01/2008</b>	<b>34.266.299.998</b>	<b>3.717.792.455</b>
Thuế TNDN được miễn	22.050.510.186	-
Trích quỹ trong năm	5.932.836.072	2.966.418.036
<b>Tại ngày 31/12/2008</b>	<b>62.249.646.256</b>	<b>6.684.210.491</b>
Trích quỹ trong năm	1.995.353.159	997.676.579
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>64.244.999.415</b>	<b>7.681.887.070</b>

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi miễn, giảm (từ năm 2007 đến năm 2008) của Công ty là 48.881.225.274 VND không được dùng để chia lãi cho các cổ đông mà được bổ sung tăng Quỹ đầu tư phát triển.

**16. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo lĩnh vực kinh doanh:

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Hoạt động vận tải	567.559.598.840	791.405.148.945
Hoạt động kinh doanh khác	91.823.680.062	108.105.989.504
- Dịch vụ hàng container	69.340.614.298	102.172.320.254
- Dịch vụ khác	22.483.065.764	5.933.669.250
	<b>659.383.278.902</b>	<b>899.511.138.449</b>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý:

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Dịch vụ quốc tế	550.600.665.195	768.214.659.370
Dịch vụ nội địa	108.782.613.707	131.296.479.079
	<b>659.383.278.902</b>	<b>899.511.138.449</b>

**17. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi ngân hàng, lãi tiền gửi tiết kiệm	937.605.020	4.769.420.155
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.385.080.024	7.109.423.817
Cổ tức được chia	3.954.382.900	6.690.905.500
Doanh thu hoạt động đầu tư	29.400.000.000	-
	<b>43.677.067.944</b>	<b>18.569.749.472</b>

**18. Chi phí tài chính**



	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí lãi vay	22.957.253.317	12.412.377.584
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.833.608.465	9.621.384.594
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	9.710.959.125
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(2.700.000.000)	-
Chi phí hoạt động đầu tư	32.000.000	-
	<b>30.122.861.782</b>	<b>31.744.721.303</b>

**19. Lợi nhuận/(lỗ) khác**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>14.142.935.974</b>	<b>1.932.183.245</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	12.959.444.048	1.818.181.818
Thu nhập khác	1.183.491.926	114.001.427
<b>Chi phí khác</b>	<b>167.551.363</b>	<b>2.057.920.489</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	<b>1.556.009.809</b>
Chi phí khác	167.551.363	501.910.680
<b>Lợi nhuận/(Lỗ) khác</b>	<b>13.975.384.611</b>	<b>(125.737.244)</b>

**20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>25.311.034.403</b>	<b>81.452.279.072</b>
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	73.359.762	4.253.066.220
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(3.954.382.900)	(6.691.351.189)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>21.430.011.265</b>	<b>79.013.994.103</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp(*)	5.357.502.816	22.123.918.349
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(22.050.510.186)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>5.357.502.816</b>	<b>73.408.163</b>

(\*) Như đã trình bày tại Quyết định số 4 - Phần "Thuế", Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007 và năm 2008) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo (năm 2009 đến 2011) kể từ khi chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần. Năm 2009 là năm thứ ba Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bị lỗi do đó Công ty không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động kinh doanh chính. Lợi nhuận kinh doanh khác (chủ yếu là hoạt động nhượng bán tài sản và hoạt động tài chính) phải nộp theo mức thuế suất hiện hành là 25%

**21. Lãi trên cổ phiếu**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>19.953.531.587</b>	<b>81.378.870.909</b>
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>19.953.531.587</b>	<b>81.378.870.909</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>998</b>	<b>4.069</b>

**22. Cam kết thuê hoạt động và cam kết đầu tư****Cam kết thuê hoạt động**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	475.491.000	363.640.000

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê 3.784,08 m<sup>2</sup> tại số 1, đường Hoàng Văn Thụ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; số tiền thuê 11.736,53 m<sup>2</sup> đất tại phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo hợp đồng thuê đất được ký giữa UBND thành phố Hải Phòng và Công ty khi còn là doanh nghiệp Nhà nước.

**Cam kết đầu tư**

Công ty đã ký hợp đồng nhưng chưa phát sinh công nợ liên quan đến hợp đồng mua tàu với giá trị 14.945.000 USD.

**23. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</b>		
Trả cổ tức trong năm	28.400.000.000	-
Nộp tiền thu về cổ phần hoá	-	10.000.000.000
Điều chỉnh khoản phải trả về cổ phần hoá	7.399.991	885.416.971





Số dư với các bên liên quan

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	23.302.972.561	51.710.372.552
Thu nhập của Ban Giám đốc Công ty được hưởng trong năm như sau:		
	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi xã hội khác	1.196.504.052	1.706.357.551

#### **24. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ngày 5/1/2010, Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship đã chính thức nhận bàn giao chiếc tàu chở hàng rời ETERNAL ISLAND tại Singapore. Tàu được đóng năm 1997 tại Nhật Bản, trọng tải 27.841 tấn, chiều dài 169,03m, chiều rộng 27,00 m, chiều cao mạn 13,80 m, mớn nước 9,67 m, máy chnh có công suất 6.545 KW, tốc độ khai thác 15 hải lý/h. Ngay sau khi tiếp nhận tàu được đổi tên là VINASHIP SEA, nâng tổng trọng tải của đội tàu lên 232.000 DWT.

#### **25. Số liệu so sánh**

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay. Khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán không so sánh được với số liệu tương ứng năm trước do Công ty không áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như trình bày tại Thuyết minh số 3.

### **PHẦN VI: BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

#### **1. Kiểm toán độc lập**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Địa chỉ: Số 8 Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: +84-4 38524123  
Fax: +84-4 38524143  
Website: [www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)
- Ý kiến kiểm toán độc lập



Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Công ty TNHH Deloitte Việt Nam phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Công ty cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban giám đốc Công ty cp Vận tải biển Vinaship cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính và tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến sau:

*" Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.*

*Chúng tôi xin lưu ý một số vấn đề sau:*

- 1. Thay đổi tỷ lệ trích khấu hao năm 2009 đối với đội tàu vận tải biển của Công ty: Theo Công văn số 17274/BTC-TCDN ngày 10/12/2009 của Bộ Tài chính gửi cho Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, Công ty được thay đổi tỷ lệ trích khấu hao năm 2009 đối với đội tàu vận tải biển của Công ty (16 con tàu có tên trong công văn nêu trên) với mức giảm tối đa 50% so với mức khấu hao quy định tại quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 và Công văn số 7136/TCDN ngày 28/6/2004 của Bộ Tài chính. Trên cơ sở công văn và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi tỷ lệ khấu với các con tàu của Công ty (16 con tàu có tên trong công văn nêu trên) theo mức giảm chi tiết của từng con tàu từ 25% đến 42% làm cho chi phí khấu hao năm 2009 giảm khoảng 22,7 tỷ VND so với năm 2008 và lợi nhuận trước thuế tăng lên một khoản tương ứng. Việc Công ty thay đổi tỷ lệ khấu hao trong năm 2009 như trên là chưa phù hợp với các quy định về khấu hao được quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình.*
- 2. Nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2009: Tại ngày 31/12/2009, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 169.651.980.960 VND (năm 2008: 47.626.818.007 VND). Việc thiếu hụt vốn lưu động này có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán và tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Do đó,*



Ban Giám đốc đã có những dự kiến về kế hoạch kinh doanh và dự kiến về tình hình lưu chuyển tiền tệ trong thời gian tới. Kế hoạch cụ thể của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 02 trong Phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, lợi nhuận trước thuế năm 2009 của Công ty sẽ giảm 2.309.832.086 VND và khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ tăng một khoản tương ứng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng việc áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC và đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính."

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

## 2. Kiểm toán nội bộ: không có

### PHẦN VI: CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

#### 1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty

##### Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Địa chỉ: Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, p.Phương Mai, q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +(84-4) 5770825 – 29 Fax: +(84-4) 5770850/60

Tỷ lệ nắm giữ: 51% Vốn điều lệ

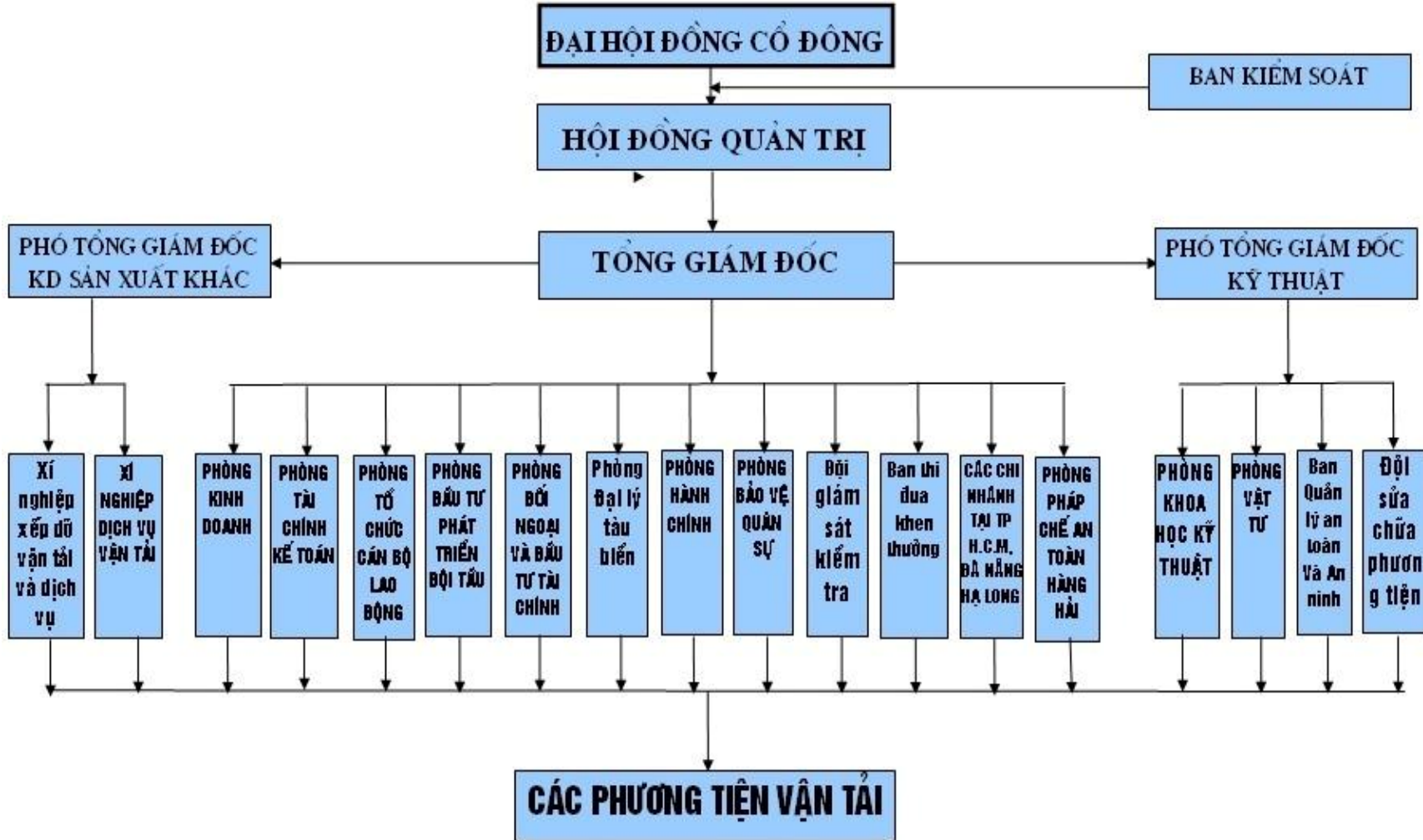
#### 2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty nắm giữ (tính đến ngày 31/12/2009): không có

### PHẦN VII: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

#### 1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy của Công ty

Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship được thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước với hình thức bán một phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn. Công ty được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Công ty.

##### Sơ đồ bộ máy Công ty





## 2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

### ❖ Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty nên VINASHIP luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 31/12/2009, số lượng cán bộ nhân viên chính thức của Công ty là 1061 người

*Đơn vị tính : Người*

<b>Yếu tố</b>	<b>31/12/2009</b>
• Số lượng nhân viên	<b>1061</b>
• Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	<b>7.556.728</b>
<b>Phân theo trình độ chuyên môn</b>	
• Đại học và Trên đại học	358
• Cao đẳng, Trung cấp, PTTH, Sơ cấp	703
<b>Phân theo thời hạn hợp đồng</b>	
• LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ(GĐ, PGĐ, KTT,CT Đoàn)	04
• Hợp đồng không xác định thời hạn	399
• Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	570
• Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	88

### ❖ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

#### - Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:



- Đối với lao động trực tiếp: thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước... Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập

#### **- Chính sách lương**

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Đơn giá tiền lương được xác định dựa vào Tổng quỹ lương (theo quy định của Nhà nước về thang bảng lương, số lượng lao động, mức tối thiểu) và doanh số. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

#### **- Chính sách thưởng**

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

#### **- Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động**

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty có chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết, cụ thể:



- Các chế độ chống nóng, chống độc hại cho công nhân, lao động phải làm việc trong điều kiện độc hại;
- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên vào các ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, cưới hỏi, ngày lễ tết (Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, 30/4, ngày Quốc tế Lao động 1/5, Quốc khánh 2/9)
- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên trong Công ty tham gia lực lượng vũ trang nhân ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12
- Tổ chức cho các cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát, du lịch hàng năm
- Tổ chức vui chơi và tặng quà cho các cháu là con của cán bộ công nhân viên trong Công ty nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, Rằm Trung thu
- Tặng quà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập

## **PHẦN VIII: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát**

#### **1.1 Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị Công ty gồm bảy (07) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

- Thành phần Hội đồng quản trị

Trong năm 2009, thành phần Hội đồng quản trị Công ty đã có những thay đổi:

Ông Đỗ Văn Hội	: Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 9/5/2009)
Ông Đoàn Bá Thước	: Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 9/5/2009)
Ông Cao Minh Tuấn	: Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 9/5/2009)
Ông Đinh Văn Cầu	: Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12/5/2009)
Ông Vương Ngọc Sơn	: Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12/5/2009)
Ông Đỗ Hồng Phấn	: Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12/5/2009)



Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Chủ tịch	Đỗ Văn Hội	06/02/1954	030840161
Phó Chủ tịch	Cao Minh Tuấn	25/7/1963	023414257
Ủy viên	Mai Xuân Ngoạt	30/12/1957	030767200
Ủy viên	Lã Đức Trọng	20/01/1950	030107769
Ủy viên	Vương Ngọc Sơn	23/7/1961	031288529
Ủy viên	Đình Văn Cầu	06/4/1961	012825529
Ủy viên	Đoàn Văn Minh	02/10/1962	030468464

▪ Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị

**1) ÔNG : ĐỖ VĂN HỘI**

- Chức vụ tại Công ty : Phó TGD Công ty CP Vận tải biển Vinaship, uỷ viên HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 06/02/1954
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Chứng minh thư nhân dân : 030840161
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thượng Am, Liên Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : 132/165 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Điện thoại liên lạc : 031.3842153
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác máy tàu thủy

**Quá trình công tác:**





Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
12/1979-8/1984	Bộ đội Hải quân, Thiếu úy, Trung úy Lữ đoàn 171 Bộ tư lệnh Hải quân
9/1984-1/1998	Thợ máy, Sỹ quan máy Công ty Vận tải biển III
2/1998-6/1999	Trưởng phòng Khoa học kỹ thuật Công ty Vận tải biển III
7/1999 – 12/2006	Phó Tổng giám đốc Công ty Vận tải biển III
1/2007 – 5/2009	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship, uỷ viên HĐQT
5/2009 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship

- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 2.432.500, chiếm 12,16% Vốn điều lệ, Trong đó đại diện sở hữu vốn của tổ chức là 2.400.000 cp, của bản thân là 32.500 cp

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**2) ÔNG : CAO MINH TUẤN**

- Chức vụ tại Công ty	: Tổng GD Cty CP Vận tải biển Vinaship, uỷ viên HĐQT
- Giới tính	: Nam
- Ngày tháng năm sinh	: 25/07/1963
- Nơi sinh	: Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân	: 023414257
- Quốc tịch	: Việt Nam
- Dân tộc	: Kinh
- Quê quán	: Văn Phong, Đồng Thái, An Hải, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú	: 5E Nguyễn Đình Chiểu, Đakao, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc	: 031.3746305
- Trình độ văn hóa	: 10/10
- Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư kinh tế vận tải biển



**Quá trình công tác:**

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
1986-1992	Quản trị tàu biển Công ty Vận tải biển III
8/1992-5/1997	Cán bộ điều động Công ty Vận tải biển III tại đại diện Thành phố Hồ Chí Minh
6/1997-6/1999	Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty Vận tải biển III tại Thành phố Hồ Chí Minh
7/1999-12/2005	Giám đốc Chi nhánh Công ty Vận tải biển III tại Thành phố Hồ Chí Minh
1/2006-12/2006	Phó Tổng giám đốc Công ty Vận tải biển III
1/2007 - 5/2009	Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải biển Vinaship, uỷ viên HĐQT
5/2009 – nay	Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải biển Vinaship, Phó CT HĐQT

- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 2.521.900, chiếm 12,61% Vốn điều lệ ; Trong đó đại diện sở hữu vốn của tổ chức là : 2.400.000 cp, của bản thân là : 121.500 cp

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**3)ÔNG : MAI XUÂN NGOẠT**

- Chức vụ tại Công ty : Uỷ viên HĐQT, Phó TGD Công ty cp Vận tải biển Vinaship, Giám đốc Xí nghiệp Xếp dỡ vận tải và dịch vụ

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 30/12/1957
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- Chứng minh thư nhân dân : 030767200
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nga Hải, Nga Sơn, Thanh Hoá



- Địa chỉ thường trú : Số 35 Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Điện thoại liên lạc : 031.3979162
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển

**Quá trình công tác:**

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
1/1985-7/1994	Cán bộ Phòng Kinh doanh Công ty Vận tải biển III
8/1994-11/1996	Phó Giám đốc Chi nhánh Quảng Ninh Công ty Vận tải biển III
12/1996-10/1998	Phó Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ vận tải hàng hoá và hành khách
11/1998-5/2001	Trưởng Ban quản lý cải tạo nâng cấp mặt bằng khu nhà ga hành khách tàu biển Chùa Vẽ
5/2001-6/2002	Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ vận tải
6/2002-6/2004	Phó trưởng phòng, phụ trách Phòng Kinh doanh
6/2004-7/2006	Trưởng phòng Kinh doanh
2007 - nay	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship, Giám đốc Xí nghiệp Xếp dỡ vận tải và dịch vụ

- Số cổ phần sở hữu và đại diện : 253.100
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**4) ÔNG : LÃ ĐỨC TRỌNG**

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/01/1950
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Chứng minh thư nhân dân : 030107769
- Quốc tịch : Việt Nam



- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ngũ Phúc, Kiến Thụy, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : Số 105C Lê Lợi, Hải Phòng
- Điện thoại liên lạc : 031.3842182
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điều khiển tàu biển

**Quá trình công tác:**

- | Từ tháng năm    | Quá trình công tác   |
|-----------------|--|
| đến tháng năm   |  |
| 3/1974-5/1979   | Thủy thủ, Sĩ quan tàu biển Công ty Vận tải biển III                                |
| 6/1979-11/1982  | Nhập ngũ, Thượng úy, Đại úy, Thuyền phó 1 503 Lữ đoàn 171, 125 Bộ tư lệnh Hải quân |
| 12/1982-3/1996  | Sĩ quan tàu biển Công ty Vận tải biển III  |
| 4/1996-1998     | Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty Vận tải dầu khí Việt Nam tại Quảng Ninh             |
| 5/1998-10/1998  | Phó GD Xí nghiệp sửa chữa tàu biển, phụ trách Khu vực Hải Phòng                    |
| 11/1998-12/2006 | Trưởng Phòng TCCB-LĐ Công ty Vận tải biển III                                      |
| 1/2007-1/2010   | Ủy viên HĐQT, Trưởng P.TCCB-LĐ Công ty CP Vận tải biển Vinaship                    |
| 1/2010 – nay    | Ủy viên HĐQT   |
- Số cổ phần sở hữu và đại diện : 38.100
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
  - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
  - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
  - Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**5) ÔNG : VƯƠNG NGỌC SƠN**

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Cty CP Vận tải biển Vinaship
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 23/7/1961
- Nơi sinh : Nghệ An



- Chứng minh thư nhân dân : 031288529
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán :
- Địa chỉ thường trú : 9/24 Lê Quýnh, phường Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Điện thoại liên lạc : 031.3842174
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển

**Quá trình công tác:**

Từ tháng năm	Quá trình công tác
đến tháng năm	
1998-2006	Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng Công ty Vận tải biển III
2007- 5/2009	Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng Công ty cp Vận tải biển Vinaship
5/2009 - nay	Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng Công ty cp Vận tải biển Vinaship

- Số cổ phần sở hữu và đại diện : 21.900
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**6) ÔNG : ĐINH VĂN CẦU**

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/4/1961
- Nơi sinh : Nghệ An
- Chứng minh thư nhân dân : 012825529
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh



- Quê quán : Nghi Lộc, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : Số 24B Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : 0913226113
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển

**Quá trình công tác:**

Từ tháng năm đến tháng năm	Quá trình công tác
1985-1991	Cán bộ - Đại lý Hàng hải Việt Nam
1991-1993	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Hàng hải
1993-1995	Chánh văn phòng Ngân hàng TMCP Hàng hải
1996-1998	Chuyên viên Ban Tài chính Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
1998-2002	Phó Trưởng Ban Tài chính - Kế toán Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
2002-nay	Trưởng Ban Quản lý các doanh nghiệp có vốn góp Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
Từ 5/2009	Ủy viên HĐQT Công ty cp Vận tải biển Vinaship

- Số cổ phần sở hữu và đại diện : đại diện sở hữu 1.800.000 cổ phần, chiếm 9% vốn điều lệ

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**7) ÔNG : ĐOÀN VĂN MINH**

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/10/1962
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Chứng minh thư nhân dân : 030468464
- Quốc tịch : Việt Nam



- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : Tổ 4 phường Nghĩa Xá, q. Lê Chân, t/p Hải Phòng
- Điện thoại liên lạc : 031.3821405
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngân hàng, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

Từ tháng năm

**Quá trình công tác**

đến tháng năm

- 1984 – 1991 Cán bộ Ngân hàng ngoại thương Hải Phòng
- 1991 – 1994 Trưởng phòng Kế toán Văn phòng ECIP
- 1994 – 2000 Trưởng phòng Kế toán Ngân hàng Hàng hải Việt Nam
- 2000 – 2003 Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng Hàng hải Việt Nam
- 2003 – 2005 Phó giám đốc điều hành Công ty cp Chứng khoán Hải Phòng
- 2006 - đến nay
  - Thành viên HĐQT Công ty cp Chứng khoán Hải Phòng
  - Thành viên HĐQT Công ty cp Giấy Hải Âu
  - Thành viên HĐQT Công ty cp Vận tải biển Vinaship

- Số cổ phần sở hữu và đại diện : 207.850, chiếm 1,04% Vốn điều lệ, Trong đó đại diện sở hữu vốn của Cty Chứng khoán Hải Phòng là 172.750, của bản thân là 35.100

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

**1.2 Ban Tổng giám đốc điều hành**

Ban Tổng giám đốc điều hành hiện nay của Công ty gồm có ba (03) thành viên, đứng đầu là Tổng giám đốc, giúp việc Tổng giám đốc có các Phó tổng giám đốc. Ban tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.



- Thành viên Ban Tổng giám đốc

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
TGD	Cao Minh Tuấn	25/7/1963	023414257
Phó TGD	Mai Xuân Ngoạt	30/12/1957	030767200
Phó TGD	Nguyễn Quang Duy	05/6/1963	030633647

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban Tổng giám đốc (như trên đã nêu)

**3) ÔNG : NGUYỄN QUANG DUY**

- Chức vụ tại Công ty : Phó TGD CTy cp Vận tải biển Vinaship
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 05/6/1963
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Chứng minh thư nhân dân : 030633647
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Kiến Thụy, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : Số 7/200 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng
- Điện thoại liên lạc : 0912452392
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư máy tàu thủy

**Quá trình công tác:**

Từ tháng/ năm	Quá trình công tác
đến tháng/ năm	
7/1987-2/1989	Công tác tại Xí nghiệp LD Dầu khí Việt Xô, Thợ máy dưới tàu
3/1989-6/1996	Thợ máy Công ty Vận tải biển III
7/1996-11/2003	Sỹ quan máy Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)
12/2003-1/2006	Cán bộ kỹ thuật tại phòng Khoa học kỹ thuật, Công ty Vận tải





biển III

1/2006-12/2006 Phó trưởng phòng Khoa học kỹ thuật Công ty Vận tải biển III

1/2007-6/2009 Phó trưởng phòng Vật tư Công ty cp Vận tải biển Vinaship

6/2009-nay Phó tổng giám đốc Công ty cp Vận tải biển Vinaship

- Số cổ phần sở hữu và đại diện : 5.600

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

### 1.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Trưởng ban	Tô Hanh	5/12/1954	030878030
Thành viên	Đình Huy Dũng	16/9/1960	031510165
Thành viên	Trần Thị Kim Lan	22/10/1962	030168425

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

#### 1) ÔNG : TÔ HANH

- Chức vụ tại Công ty : Trưởng BKS, Phó P.Kinh doanh CTy cp Vận tải biển Vinaship

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 05/12/1954

- Nơi sinh : Vĩnh Phúc

- Chứng minh thư nhân dân : 030878030

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh



- Quê quán : Nghĩa Trụ, Văn Giang, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú : Số 10/44 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Điện thoại liên lạc : 031.3842151
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển

**Quá trình công tác:**

Từ tháng/ năm	Quá trình công tác
đến tháng/ năm	
4/1979-1/1986	Cán bộ điều động Công ty Vận tải đường sông 204 Hà Nội
2/1986-10/1989	Cán bộ đối ngoại Tổng Cục đường biển
11/1989-6/1994	Quản trị Công ty Vận tải biển III
7/1994-1/2001	Cán bộ Phòng Kinh doanh Công ty Vận tải biển III
1/2001-12/2006	Phó Phòng Kinh doanh Công ty Vận tải biển III
1/2007 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát, Phó Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship

- Số cổ phần sở hữu và đại diện : 13.300
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**2) ÔNG : ĐINH HUY DŨNG**

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên BKS, Phó P.TCCB-LĐ Cty cp Vận tải biển Vinaship
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/9/1960
- Nơi sinh : Hải Dương
- Chứng minh thư nhân dân : 031510165
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Hàn Giang, T/p Hải Dương, Tỉnh Hải Dương



- Địa chỉ thường trú : Số 4/14/87 Nguyễn Công Trứ, Lê Chân, Hải Phòng
- Điện thoại liên lạc : 031.3842182
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển

**Quá trình công tác:**

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
6/1989-1/2001	Cán bộ Công ty Vận tải biển III
2/2001-12/2006	Phó Phòng TCCB-LĐ Công ty Vận tải biển III
1/2007 đến nay	Ủy viên Ban kiểm soát, Phó Phòng TCCB-LĐ Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship

- Số cổ phần sở hữu và đại diện : 11.400
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

**3) BÀ : TRẦN THỊ KIM LAN**

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại Transco

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 22/01/1962
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Chứng minh thư nhân dân : 030168425
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : Số 1 Khu tập thể Cảng 2 Lê Lợi, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng



- Điện thoại liên lạc : 031.3823351
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải sông

**Quá trình công tác:**

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
1985-1997	Cán bộ thương vụ Phòng Kinh doanh Công ty Vận tải biển III
4/1997-5/2001	Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty Vận tải biển III
5/2001-Nay	Trưởng Phòng Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại Transco
2007 đến nay	Ủy viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship
- Số cổ phần sở hữu và đại diện	: 4.000
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật	: Không

**2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông (theo danh sách chốt ngày 16/4/2009)****2.1. Cổ đông trong nước****a. Cơ cấu cổ đông**

STT	Danh mục	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1	Cổ đông tổ chức	13.435.190	67,18
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	11.493.740	57,47
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	1.941.450	9,71
2	Cổ đông cá nhân	6.564.810	32,82



**b. Thông tin về cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1. Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội	0106000600	10.200.000	51
2. Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	Tầng 17 – 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0104000069	1.293.740	6,47

**2.2 Cổ đông nước ngoài**

STT	Danh mục	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1	Cổ đông tổ chức	829.050	4,15
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	829.050	4,15
2	Cổ đông cá nhân	15.630	0,08

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK tp.HCM
- Lưu ...

***Đỗ Văn Hội***